TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST
Ngày: 19/4/2022.
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Dược.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thái Hòa;

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 38/2021/TLST-KDTM, ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-KDTM, ngày 22/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-KDTM ngày 22/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường TL**;

Địa chỉ: 36A, đường D2, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1988. Địa chỉ: Đại Hải, xã TH, huyện HT, tỉnh Hà Tĩnh. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1999 và ông Trần Nguyễn Th, sinh năm 1996, cùng địa chỉ: số 36A, đường D2, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Bà T, ông Th xin vắng mặt.

Bị đơn: **Công ty TNHH ĐT**;

Địa chỉ: F20/K97, khu phố Đ, phường TP, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc T1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: F20/K97, khu phố Đ, phường TP, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường TL do bà Nguyễn Thị Thanh Tú đại diện trình bày:

Ngày 02/5/2017, Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường TL (sau đây gọi tắt là Công ty TL) và Công ty TNHH ĐT (sau đây gọi tắt là Công ty ĐT) đã ký kết Hợp đồng mua bán bê tông nhựa nóng số 080A/2017/HĐKT/TL-ADT. Thực hiện theo đúng Hợp đồng, Công ty TL đã tiến hành giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty ĐT theo như cam kết. Tuy nhiên, Công ty ĐT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng, không thanh toán tiền hàng cho Công ty TL.

Ngày 04/5/2017, Công ty ĐT và Công ty TL đã ký kết Bảng đối chiếu khối lượng – công nợ, trong đó Công ty ĐT xác nhận còn nợ Công ty TL số tiền là 92.291.200 đồng.

Công ty TL đã nhiều lần yêu cầu Công ty ĐT thực hiện nghĩa vụ thanh toán cũng như thỏa thuận phương án trả nợ thông qua các công văn đề nghị thanh toán ngày 09/10/2020 nhưng Công ty ĐT vẫn không hợp tác và không thanh toán số nợ.

Do đó, Công ty TL khởi kiện yêu cầu Công ty ĐT thanh toán số tiền nợ nợ gốc là 92,291,200 đồng. Về tiền lãi: Tại Hợp đồng các bên không thỏa thuận mức lãi suất chậm trả, do đó lãi suất chậm trả được áp dụng theo Điều 306 Luật Thương mại 2005. Công ty TL yêu cầu Công ty ĐT thanh toán số tiền nợ lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày đến hạn cho tới ngày thanh toán đầy đủ các khoản nợ, số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh tạm tính từ ngày 04/5/2017 đến ngày 19/4/2022 là 45,816,892 đồng.

Tổng cộng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/4/2022 Công ty TL yêu cầu Công ty ĐT thanh toán là 138,108,092 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty TNHH ĐT: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án gồm có: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường TL, buộc Công ty TNHH ĐT thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường TL số tiền là 92,291,200 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử. Về án phí: Công ty TNHH ĐT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường TL khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa; bị đơn Công ty TNHH ĐT có địa chỉ tại số F20/K97, khu phố Đ, phường TP, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự.

Công ty TL khởi kiện Công ty ĐT về việc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hoá. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định Công ty TL là nguyên đơn, Công ty ĐT là bị đơn. Căn cứ khoản 8, Điều 3 Luật Thương mại năm 2005, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

[3] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TL có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Công ty ĐT vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 02/5/2017, giữa Công ty TL và Công ty ĐT ký Hợp đồng mua bán bê tông nhựa nóng số 080A/2017/HĐKT/TL-ADT. Theo đó, Công ty TL cung cấp cho Công ty ĐT sản phẩm bê tông nhựa tại trạm Biên Hòa, Đồng Nai phục vụ Công trình xây dựng, nâng cấp kho xăng dầu VK102/QK7 thuộc gói thầu thi công nâng cốt nền tại xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ký kết hợp đồng thì Công ty TL đã cung cấp hàng hóa là 03 phuy nhũ tương, giá 2.000.000 đồng/phuy =6.000.000 đồng; 3.99,68 tấn bê tông nhựa nóng C12,5, giá 877,272.73 đồng/tấn =350.628.364 đồng, tổng số tiền là 392.291.200 đồng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty ĐT theo thỏa thuận. Công ty ĐT đã thanh toán cho Công ty TL số tiền 300.000.000 đồng, còn lại số tiền 92.291.200 đồng chưa thanh toán.

Ngày 04/5/2017, Công ty ĐT và Công ty TL đã ký kết Bảng đối chiếu khối lượng – công nợ, trong đó Công ty ĐT xác nhận còn nợ Công ty TL số tiền là 92.291.200 đồng.

Từ các chứng cứ, tài liệu thu thập được có cơ sở xác định, giữa Công ty TL và Công ty ĐT có quan hệ mua bán hàng hóa là nhũ tương và bê tông nhựa nóng là có thật. Việc mua bán giữa các bên ký kết hợp đồng kinh tế xác lập một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hai bên cũng đã thực hiện hợp đồng nên có giá trị hiệu lực thi hành giữa các bên.

Theo kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 188/ĐKKD, ngày 28/5/2021 của Phòng Đăng ký Kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai thì Công ty ĐT đang hoạt động, chưa thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc tạm ngừng kinh doanh hoặc giải thể từ ngày 22/4/2010 đến nay. Người đại diện theo pháp luật của Công ty ĐT là ông Trịnh Ngọc Thường. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của

Tòa án để phía bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn vắng mặt, là tự từ bỏ quyền tham gia vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết.

Căn cứ Hợp đồng kinh tế, Bảng đối chiếu khối lượng-công nợ, Hóa đơn giá trị gia tăng thì tổng số tiền Công ty ĐT còn phải thanh toán cho Công ty TL tính đến ngày 04/5/2017 là 92.291.200 đồng. Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Công ty TL, buộc Công ty ĐT phải thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là: 92.291.200 đồng.

Về tiền lãi: Công Ty TL yêu cầu Công ty ĐT thanh toán tiền lãi tính từ ngày 04/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/4/2022 là 45,816,892 đồng đồng. Theo Công Ty TL thì khi ký kết hợp đồng kinh tế không thỏa thuận lãi suất chậm trả, do đó Công ty Tân Lộc yêu cầu Công ty ĐT thanh toán tiền chậm trả là 10%/năm/số tiền chậm trả nhân với thời gian chậm trả.

Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán, như sau: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Vấn đề về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường được áp dụng tại Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì việc xác định lãi suất trung bình quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005, như sau: "*Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Ngày 15/4/2022, Tòa án có văn bản gửi Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam để xác minh về mức lãi suất nợ quá hạn. Văn bản số 410/NHNo.ĐN-KTNQ, ngày 18/4/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-chi nhánh Đồng Nai cho biết lãi suất nợ quá hạn đối với dư nợ gốc quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất cho vay áp dụng đối với nợ gốc trong hạn. Văn bản số 159/VCB.ĐON-KT, ngày 18/4/2022 của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam-chi nhánh Đồng Nai cho biết lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn cho đến khi

khách hàng trả hết dư nợ gốc bị quá hạn. Văn bản số 625/CNĐNA, ngày 19/4/2022 của Ngân hàng Công thương Việt Nam-chi nhánh Đồng Nai cho biết lãi suất nợ quá hạn tối đa 150% lãi suất trong hạn.

Như vậy, đối với lãi suất chậm trả mà Công ty Tân Lộc yêu cầu Công ty ĐT thanh toán là là 92.291.200 đồng (số tiền chậm trả) x 1812 (số ngày chậm trả) x 10%/365 (lãi suất) = 45,816,892 đồng là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trên địa bàn thành phố Biên Hòa nơi Tòa án xét xử tại thời điểm xét xử, đây là quyền định đoạt của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn, nên có căn cứ buộc Công ty ĐT phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán là 45,816,892 đồng cho Công ty TL.

[5] Về án phí:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty ĐT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 6.905.404 đồng.

Hoàn trả cho Công ty TL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.838.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ Điều 430, Điều 431, Điều 433, Đều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại 2005;

-Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường TL về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" với Công ty TNHH ĐT.

Buộc Công ty TNHH ĐT phải thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường TL số tiền là 138,108,092 (một trăm ba mươi tám triệu một trăm lẻ tám nghìn không trăm chín mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc là 92.291.200 (chín mươi hai triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn hai trăm đồng) đồng, nợ lãi chậm thanh toán tính từ ngày 05/4/2017 đến hết ngày 19/4/2022 là 45,816,892 (bốn mươi lăm triệu tám trăm mười sáu nghìn tám trăm chín mươi hai) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại

Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Công ty TNHH ĐT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 6.905.404 (sáu triệu chín trăm lẻ năm nghìn bốn trăm lẻ bốn) đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường TL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.838.000 (ba triệu tám trăm ba mươi tám nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số 0000901, ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường TL và Công ty TNHH ĐT được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Nai;
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
-VKSND TP Biên Hòa;
-Chi cục THADS TP Biên Hòa;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Dược